

Số: 312/SKH-KTĐN

Đắk Nông, ngày 05 tháng 3 năm 2018

Về việc thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư trên địa bàn

Kính gửi:.....

Theo quy định của Luật Đầu tư năm 2014, thì chế độ báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam được quy định như sau:

**1. Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo:**

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan đăng ký đầu tư;
- Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư.

**2. Chế độ báo cáo định kỳ:**

- Hàng tháng, hàng quý, hàng năm, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư báo cáo cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan thống kê trên địa bàn về tình hình thực hiện dự án đầu tư, gồm các nội dung: vốn đầu tư thực hiện, kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách nhà nước, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, xử lý và bảo vệ môi trường và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động;

- Hàng tháng, hàng quý, hàng năm, cơ quan đăng ký đầu tư báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và tình hình hoạt động của các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý;

- Hàng quý, hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình đầu tư trên địa bàn.

**3. Hình thức báo cáo:**

Cơ quan, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện báo cáo bằng văn bản và thông qua hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

**4. Biểu mẫu báo cáo:**

- Đối với các nhà đầu tư, các tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: báo cáo định kỳ theo Biểu mẫu ban tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

- Đối với các cơ quan quản lý nhà nước: báo cáo định kỳ theo Biểu mẫu số 7, 8, 9 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

Thực hiện quy định nêu trên và để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về các hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị nhà đầu tư báo cáo các nội dung theo chế độ báo cáo định kỳ theo quy định nêu trên, báo cáo của đơn vị gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 23/3/2018, để Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định./.

Nơi nhận: nhân

- Như trên (có danh sách các nhà đầu tư kèm theo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBND các huyện, thị xã (để biết, phối hợp);
- Đồng chí Giám đốc Sở;
- Trung tâm xúc tiến đầu tư;
- Lưu: VT, KTĐN.



GIÁM ĐỐC

Lưu Văn Trung



**PHỤ LỤC III**

*(Biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư)*

**Cơ quan báo cáo**                      Ngày báo cáo: Ngày 12 của tháng sau tháng báo cáo

**BIỂU 1: BÁO CÁO THÁNG VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**  
*(Áp dụng đối với dự án đầu tư có phát sinh vốn đầu tư thực hiện trong tháng)*  
 (Tháng.... Năm.....)

**Phần I. Thông tin chung về dự án đầu tư**

Tên dự án/Tên Hợp đồng BCC	
Mã số dự án/Số GCNĐT	Ngày cấp:
Cơ quan cấp GCNĐKĐT:	
Địa điểm dự án:	
Tổng vốn đầu tư đăng ký	
Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án:	
Mã số doanh nghiệp:	Ngày cấp lần đầu:
Mã số thuế:	
Cơ quan cấp:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại:	Email:

**Phần II. Tình hình thực hiện vốn đầu tư**

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Cộng dồn từ khi được cấp phép đến cuối tháng báo cáo
<b>1. Vốn góp (liệt kê theo từng nhà đầu tư)</b>	USD			
<b>1.1. Nhà đầu tư Việt Nam</b>				
<b>Tên nhà đầu tư thứ nhất</b>	USD			
<i>Trong đó:</i>				
- Tiền mặt	USD			
- Máy móc, thiết bị	USD			
- Tài sản khác	USD			
<b>Tên nhà đầu tư tiếp theo</b>	USD			
.....	USD			

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Cộng dồn từ khi được cấp phép đến cuối tháng báo cáo
<b>1.2. Nhà đầu tư nước ngoài</b>	USD			
Tên nhà đầu tư thứ nhất	USD			
<i>Trong đó:</i>				
- Tiền mặt	USD			
- Máy móc, thiết bị	USD			
- Tài sản khác	USD			
Tên nhà đầu tư tiếp theo				
.....				
<b>2. Vốn vay ròng</b>	USD			
<i>Trong đó:</i>				
2.1. Vay trong nước	USD			
2.2. Vay từ công ty mẹ ở nước ngoài	USD			
2.3. Vay nước ngoài khác	USD			
<b>3. Cập nhật tình hình dự án</b>	<i>Cập nhật thông tin thay đổi về dự án đầu tư (nếu có)</i>			

**Ghi chú:**

- *Vốn vay ròng = tổng vay trong kỳ trừ số trả nợ trong kỳ (bao gồm cả vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn)*

- *Đối với các dự án của nhà đầu tư trong nước, dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư bằng Việt Nam đồng thì đơn vị báo cáo là "Triệu VNĐ"*

- *Không báo cáo vào các ô đánh dấu "X"*

- *Cách tính:*

$$1 = 1.1 + 1.2$$

$$2 = 2.1 + 2.2 + 2.3$$

09515909



**Cơ quan báo cáo**      Ngày báo cáo: Ngày 12 tháng đầu quý sau quý báo cáo  
**Biểu 2: BÁO CÁO QUÝ VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**  
*(Doanh nghiệp có nhiều dự án thì mỗi dự án báo cáo 1 biểu riêng)*  
 (Quý.... năm....)

**Phần I. Thông tin chung về dự án đầu tư**

Tên dự án/Tên Hợp đồng BCC	Ngày cấp:
Mã số dự án/Số GCNĐT	
Cơ quan cấp GCNĐKĐT:	
Địa điểm dự án:	
Tổng vốn đầu tư đăng ký	
Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án:	
Mã số doanh nghiệp:	Ngày cấp lần đầu:
Mã số thuế:	
Cơ quan cấp:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại:	Email:

**Phần II. Tình hình thực hiện dự án đầu tư**

Tên chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện Quý báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối Quý báo cáo	Cộng dồn từ khi được cấp GCNĐKĐT đến cuối Quý báo cáo
<b>I. Vốn đầu tư thực hiện</b>	USD			
<b>1. Vốn góp (liệt kê theo từng nhà đầu tư)</b>	USD			
<b>1.1. Nhà đầu tư Việt Nam</b>				
<b>Tên nhà đầu tư thứ nhất</b>	USD			
<i>Trong đó:</i>			X	
- Tiền mặt	USD			
- Máy móc, thiết bị	USD			
- Tài sản khác	USD			
<b>Tên nhà đầu tư tiếp theo</b>	USD			
.....	USD			
<b>1.2. Nhà đầu tư nước ngoài</b>	USD			
<b>Tên nhà đầu tư thứ nhất</b>	USD			
<i>Trong đó:</i>			X	
- Tiền mặt	USD			
- Máy móc, thiết bị	USD			
- Tài sản khác	USD			
<b>Tên nhà đầu tư tiếp theo</b>				
.....				

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện Quý báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối Quý báo cáo	Cộng dồn từ khi được cấp GCNĐKĐT đến cuối Quý báo cáo
<b>2. Vốn vay ròng</b>	USD			
<i>Trong đó:</i>			X	
2.1. Vay trong nước	USD			
2.2. Vay từ công ty mẹ ở nước ngoài	USD			
2.3. Vay nước ngoài khác	USD			
<b>II. Lợi nhuận sau thuế</b>	USD			
<i>Trong đó:</i>				
- Cổ tức				X
- Lợi nhuận chưa phân phối				
- Lợi nhuận phân bổ vào các quỹ:				
<b>III. Doanh thu thuần</b>	USD			
<b>IV. Giá trị hàng xuất khẩu</b>	USD			
<b>V. Giá trị hàng nhập khẩu</b>	USD			
- Nhập khẩu để đầu tư hình thành DN	USD			
- Nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh	USD			
<b>VI. Số lao động hiện có đến thời điểm báo</b>	Người			
1. Lao động Việt Nam	Người			
<i>Trong đó:</i>				
- Lao động trong tỉnh/thành phố	Người		X	
- Lao động ngoài tỉnh/thành phố	Người			
2. Lao động nước ngoài	Người			X
<b>VII. Thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước</b>	USD			
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	USD			
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	USD			
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	USD			
- Thuế xuất khẩu	USD			
- Thuế nhập khẩu	USD			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	USD			
- Thuế khác	USD			
<b>VIII. Cập nhật tình hình dự án</b>	<i>(VD: dự án đang xây dựng, đang hoạt động sản xuất kinh doanh, đang gặp khó khăn, vướng mắc (nêu cụ thể),....)</i>			

**Ghi chú:**

- Vốn vay ròng = tổng vay trong kỳ trừ số trả nợ trong kỳ (bao gồm cả vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn)
- Đối với các dự án của nhà đầu tư trong nước, dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư bằng Việt Nam đồng thì đơn vị báo cáo là "Triệu VNĐ"

- Không báo cáo vào các ô đánh dấu "X"

- Cách tính:

$$1 = 1 + 2$$

$$1 = 1.1 + 1.2$$

$$2 = 2.1 + 2.2 + 2.3$$

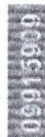
09975909





Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện Năm báo cáo (Tinh đến ngày 31/12 của năm báo cáo)	Cộng dồn từ khi được cấp phép đến cuối năm báo cáo
<b>2. Vốn vay ròng</b>	USD		
<i>Trong đó:</i>			
2.1. Vay trong nước	USD		
2.2. Vay từ công ty mẹ ở nước ngoài	USD		
2.3. Vay nước ngoài khác	USD		
<b>II. Lợi nhuận sau thuế</b>	USD		
<i>Trong đó:</i>			
- Cổ tức			
- Lợi nhuận chưa phân phối			
- Lợi nhuận phân bổ vào các quỹ:			
<b>III. Doanh thu thuần</b>	USD		
<b>IV. Giá trị hàng xuất khẩu</b>	USD		
<b>V. Giá trị hàng nhập khẩu</b>	USD		
- Nhập khẩu để đầu tư hình thành DN	USD		
- Nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh	USD		
<b>VI. Số lao động hiện có đến thời điểm báo</b>	người		
1. Lao động Việt Nam	người		
<i>Trong đó:</i>			
- Lao động trong tỉnh/thành phố	người		
- Lao động ngoài tỉnh/thành phố	người		
2. Lao động nước ngoài	người		
<b>VII. Thu nhập bình quân 1 tháng của người lao động</b>	USD		
- Lao động Việt Nam	USD		
- Lao động nước ngoài	USD		
<b>VIII. Thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước</b>	USD		
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	USD		
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	USD		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	USD		
- Thuế xuất khẩu	USD		

X





Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện Năm báo cáo (Tính đến ngày 31/12 của năm báo cáo)	Cộng dồn từ khi được cấp phép đến cuối năm báo cáo
- Thuế nhập khẩu	USD		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	USD		
- Thuế khác	USD		
<b>IX. Chi phí đầu tư, nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ</b>	USD		
<i>Trong đó:</i>	USD		
- Chi cho nghiên cứu triển khai			X
- Chi cho đổi mới công nghệ	USD		
- Chi khác	USD		
<b>X. Nguồn gốc công nghệ đang sử dụng</b>	<i>(Ghi quốc gia mà công nghệ được nhập khẩu, sản xuất)</i>		
<b>XI. Chi phí đầu tư xử lý và bảo vệ môi trường</b>			
- Giá trị thiết bị, công trình xử lý môi trường của dự án	USD		X
- Tổng chi phí cho công tác bảo vệ môi trường của dự án	USD		
<b>XII. Tình hình sử dụng mặt đất, mặt nước</b>	USD		
- Diện tích mặt đất dự án đã sử dụng			
- Diện tích mặt nước dự án đã sử dụng	m <sup>2</sup>		
- Tỷ lệ diện tích đất đã sử dụng trên tổng diện tích đất được giao	m <sup>2</sup>		
- Tỷ lệ diện tích mặt nước đã sử dụng trên tổng diện tích mặt nước được giao	%		
<b>XIII. Cập nhật tình hình dự án</b>	<i>(VD: dự án đang xây dựng, đang hoạt động sản xuất kinh doanh, đang gặp khó khăn, vướng mắc (nêu cụ thể),.....)</i>		

**Ghi chú:**

- *Vốn vay ròng = tổng vay trong kỳ trừ số trả nợ trong kỳ (bao gồm cả vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn)*
- *Đối với các dự án của nhà đầu tư trong nước, dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư bằng Việt Nam đồng thì đơn vị báo cáo là "Triệu VNĐ"*
- *Không báo cáo vào các ô đánh dấu "X"*
- *Cách tính:*

$$1 = 1 + 2$$

$$1 = 1.1 + 1.2$$

$$2 = 2.1 + 2.2 + 2.3$$



PHỤ LỤC IV

(Biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư)

UBND tỉnh, thành phố...

Ngày báo cáo: Ngày 12/4, 12/10.

Nơi nhận: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Đầu tư nước ngoài)

(Fax: 04-3734 3769; e-mail: tonghop.dtnn@mpi.gov.vn)

**BIỂU 4: BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI QUÝ..... (QUÝ I và QUÝ III) NĂM.....**

(Áp dụng với UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)

Mã chi tiêu	Chi tiêu	Đơn vị tính	Quý báo cáo			Tùy kể từ đầu năm đến Quý báo cáo		
			Quý báo cáo năm trước	Quý báo cáo	So cùng kỳ	Năm trước	Năm báo cáo	So cùng kỳ
1	2	3	4	5	6 = 5/4	7	8	9 = 8/7
<b>A</b>	<b>Tình hình hoạt động</b>							
A1	Vốn thực hiện	Triệu USD						
A1.1	Trong đó, từ nước ngoài	Triệu USD						
A2	Doanh thu	Triệu USD						
A3	Xuất khẩu	Triệu USD						
A4	Nhập khẩu	Triệu USD						
A5	Lao động	Người						
A6	Nộp ngân sách	Triệu USD						
<b>B</b>	<b>Tình hình cấp GCNDT</b>							
<b>B1</b>	<b>Dự án cấp mới</b>							
B1.1	Số dự án mới	dự án						
B1.2	Vốn đăng ký	Triệu USD						
<b>B2</b>	<b>Dự án điều chỉnh vốn</b>							
B2.1	Dự án tăng vốn	lượt dự án						





Mã chi tiêu	Chi tiêu	Đơn vị tính	Quý báo cáo			Lũy kế từ đầu năm đến Quý báo cáo		
			Quý báo cáo năm trước	Quý báo cáo	So cùng kỳ	Năm trước	Năm báo cáo	So cùng kỳ
1	2	3	4	5	6 = 5/4	7	8	9 = 8/7
B2.2	Vốn đăng ký tăng thêm	Triệu USD						
B2.3	Dự án giảm vốn	lượt dự án						
B2.4	Vốn đăng ký giảm	Triệu USD						
<b>B3</b>	<b>Vốn cấp mới và tăng thêm</b>	Triệu USD						
<b>C</b>	<b>Tình hình chấm dứt dự án</b>							
C1	Số dự án	dự án						
C2	Vốn đăng ký	Triệu USD						

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên, đơn vị, điện thoại, e-mail)

Người duyệt biểu

(Ký, ghi rõ họ tên, đơn vị, điện thoại)

Thu trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

**Chú thích:**

Chỉ tiêu tình hình cấp và thu hồi GCNDT (Mã B và Mã C):

Cột 4; số liệu tính cho cả Quý báo cáo trước, là cơ sở để chỉnh sửa lại số liệu của báo cáo Quý trước

B21 và B23 ghi số lượt điều chỉnh vốn (ví dụ 1 dự án điều chỉnh vốn 2 lần trong kỳ báo cáo thì tính là 2 lượt)

$B3 = B1.2 + B2.2 - B2.4$





UBND tỉnh, thành phố...

Nơi nhận: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Đầu tư nước ngoài)

Ngày báo cáo: 15/7

**BIỂU 5: BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI 6 THÁNG ...**

(Áp dụng với UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

Mã chỉ tiêu	Chi tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm báo cáo			Dự kiến cả năm báo cáo					Dự kiến năm sau năm báo cáo	
			Thực hiện 6 tháng năm trước	Ước thực hiện 6 tháng năm báo cáo	So cùng kỳ (%)	Thực hiện năm trước	Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	Ước TH so KH (%)	Ước TH so với TH năm trước (%)	Kế hoạch	So cùng kỳ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10 = 9/8	11 = 9/7	12	13 = 12/10
<b>A</b>	<b>TÌNH HÌNH THỰC HIỆN</b>											
A1	Vốn đầu tư thực hiện	Triệu USD										
A2	Trong đó, từ nước ngoài	Triệu USD										
A3	Doanh thu	Triệu USD										
A4	Xuất khẩu	Triệu USD										
A5	Nhập khẩu	Triệu USD										
A6	Số lao động vào cuối kỳ báo cáo	người										
A7	Nợ ngân sách	Triệu USD										
<b>B</b>	<b>Tình hình cấp GCNDT</b>											
<b>B1</b>	<b>Dự án cấp mới</b>											
B1.1	Số dự án mới	dự án										
B1.2	Vốn đăng ký	Triệu USD										
<b>B2</b>	<b>Dự án điều chỉnh vốn</b>											
B2.1	Dự án tăng vốn	lượt dự án										
B2.2	Vốn đăng ký tăng thêm	Triệu USD										



Mã chi tiêu	Chi tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm báo cáo			Dự kiến cả năm báo cáo					Dự kiến năm sau năm báo cáo	
			Thực hiện 6 tháng năm trước	Ước thực hiện 6 tháng năm báo cáo	Số cùng kỳ (%)	Thực hiện năm trước	Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	Ước TH so KH (%)	Ước TH so với TH năm trước (%)	Kế hoạch	Số cùng kỳ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10 = 9/8	11 = 9/7	12	13 = 12/10
B2.3	Dự án giảm vốn	lượt dự án										
B2.4	Vốn đăng ký giảm	Triệu USD										
B3	Vốn cấp mới và tăng thêm	Triệu USD										
C	Tình hình thu hồi GCNDT											
C1	Số dự án	dự án										
C2	Vốn đăng ký	Triệu USD										

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đơn vị, điện thoại, e-mail)

**Người duyệt biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đơn vị, điện thoại)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Ghi chú: số liệu tính đến ngày 30/6 của kỳ báo cáo

UBND tỉnh, thành phố...

Ngày báo cáo: 15/02 của năm sau

Nơi nhận: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Đầu tư nước ngoài)

(Fax: 04-3734 3769; e-mail: tonghop.dtnn@mpi.gov.vn)

**BIỂU 6: BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI NĂM...**

(Áp dụng với UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

Mã chỉ tiêu	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm báo cáo					Dự kiến năm sau năm báo cáo	
			Thực hiện năm trước	Kế hoạch	Thực hiện cả năm	TH so KH (%)	TH so với TH năm trước (%)	Kế hoạch	So cùng kỳ (%)
1	2	3	4	5	6	7 = 6/5	8 = 6/4	9	10=9/6
<b>A</b>	<b>TÌNH HÌNH THỰC HIỆN</b>								
A1	Vốn đầu tư thực hiện	Triệu USD							
A2	Trong đó, từ nước ngoài	Triệu USD							
A3	Doanh thu	Triệu USD							
A4	Xuất khẩu	Triệu USD							
A5	Nhập khẩu	Triệu USD							
A6	Số lao động vào cuối kỳ báo cáo	người							
A7	Nợ ngân sách	Triệu USD							
<b>B</b>	<b>Tình hình cấp GCNDT</b>								
<b>B1</b>	<b>Dự án cấp mới</b>								
B1.1	Số dự án mới	dự án							
B1.2	Vốn đăng ký	Triệu USD							
<b>B2</b>	<b>Dự án điều chỉnh vốn</b>								
B2.1	Dự án tăng vốn	lượt dự án							
B2.2	Vốn đăng ký tăng thêm	Triệu USD							
B2.3	Dự án giảm vốn	lượt dự án							
B2.4	Vốn đăng ký giảm	Triệu USD							
<b>B3</b>	<b>Vốn cấp mới và tăng thêm</b>	Triệu USD							
<b>C</b>	<b>Tình hình thu hồi GCNDT</b>								
C1	Số dự án	dự án							Không áp dụng
C2	Vốn đăng ký	Triệu USD							

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đơn vị, điện thoại, e-mail)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)









UBND tỉnh, thành phố...

Ngày báo cáo: Ngày 12/4, 15/7, 12/10, 18/12

Nơi nhận: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Đầu tư nước ngoài)

(Fax: 04-3734 3769; e-mail: tonghop.dtnn@mpi.gov.vn)

**BIỂU 8: TÌNH HÌNH GIẢN TIẾN ĐỘ, TẠM DỪNG, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI ĐẾN QUÝ.....**

Từ ngày 01/01/201... đến ngày... tháng... năm...

TT	Mã số dự án	Ngày cấp	Tên doanh nghiệp	Tên dự án	Vốn đầu tư đăng ký (USD)	Số QĐ/công văn	Ngày QĐ/công văn	Chi chú (Nguyên nhân tạm dừng, gián tiến độ, chấm dứt hoạt động; tiến độ thanh lý)
1	2	3	4	5	6	8	9	10
<b>I. GIẢN TIẾN ĐỘ</b>								
<b>II. TẠM DỪNG HOẠT ĐỘNG</b>								
<b>Tổng</b>								
<b>III. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ</b>								
<b>Tổng</b>								

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên, đơn vị, điện thoại, e-mail)

Người duyệt biểu

(Ký, ghi rõ họ tên, đơn vị, điện thoại)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

